

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CNCN THỦ DẦU MỘT THÁNG 09/2022

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
				Giá trị min	Giá trị max
1	Độ pH	-	6,0 - 8,5	7,07	7,53
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1.000	42	82
3	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
4	Độ đục*	NTU	≤ 2	0,21	0,72
5	Độ màu	Pt-Co	≤ 15	0	4
6	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	≤ 300	28	52
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	≤ 250	8	22
8	Clo dư	mg/L	0,2 - 1,0	0,35	0,6
9	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	$\leq 0,05$	KPH (LOD: 0,01 mg/L)	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
10	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	≤ 2	0,48	0,48
11	Hàm lượng Sunphate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	≤ 250	2,76	8,44
12	Hàm lượng Sắt tổng (Fe _{tc})	mg/L	$\leq 0,3$	0,02	0,03
13	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	$\leq 0,1$	0,002	0,014
14	Chỉ số Pecmanganat	mgO ₂ /L	≤ 2	0,32	0,7
15	<i>Coliform tổng</i>	CFU/100mL	< 3	0	0
16	<i>E. coli</i>	CFU/100mL	< 1	0	0
17	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	$\leq 0,3$	0,05	0,06
18	Hàm lượng Nhôm (Al)	mg/L	$\leq 0,2$	0,06	0,06
19	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1	0,01	0,01
20	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 2	0,03	0,03